

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là đề tài nghiên cứu của tôi. Những kết quả và các số liệu trong báo cáo thực tập tốt nghiệp được thực hiện tại Công ty TNHH YC – TEC Việt Nam, không sao chép bất kỳ nguồn nào khác. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước nhà trường về sự cam đoan này.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Tác giả

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

.....

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ THỰC TẬP

Họ và tên sinh viên :

MSSV :

Khóa :

1. Thời gian thực tập

2. Bộ phận thực tập

3. Tinh thần trách nhiệm với công việc và ý thức chấp hành kỷ luật

4. Kết quả thực tập theo đề tài

5. Nhận xét chung

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I : TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH YC – TEC VIỆT NAM	
1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH YC – TEC Việt Nam	3
1.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	3
1.1.2 Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh	3
1.1.2.1 Chức năng	3
1.1.2.2 Nhiệm vụ	4
1.1.2.3 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm	4
1.2. Công tác tổ chức hoạt động kinh doanh	4
1.2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý	4
1.2.2 Chức năng, nhiệm vụ	6
1.3. Tổ chức công tác kế toán của công ty	7
1.3.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty	7
1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ	7
1.3.3 Các chính sách kế toán	8
1.3.3.1 Các quy định chung	8
1.3.3.2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán	9
1.3.3.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán	9
1.3.3.4 Hệ thống báo cáo kế toán	9
1.3.3.5 Hình thức sổ kế toán	10
CHƯƠNG II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11
2.1.1 Khái niệm	11
2.1.2 Doanh thu hợp đồng thương mại	11
2.1.3 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu	11
2.1.4 Chứng từ và tài khoản sử dụng	12
2.1.5 Sổ sách sử dụng	12
2.1.6 Trình tự kế toán doanh thu	12
2.2. Kế toán chi phí	13
2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	13
2.2.1.1 Kế toán giá vốn hàng bán và các phương pháp tính giá thành	13
2.2.1.2 Kế toán giá vốn hàng bán	15
2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng	17
2.2.2.1 Khái niệm	17

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	17
2.2.2.3 Trình tự kế toán chi phí bán hàng	17
2.2.3 Kế toán quản lý doanh nghiệp	18
2.2.3.1 Khái niệm	18
2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	18
2.2.3.3 Trình tự kế toán quản lý doanh nghiệp	19
2.2.4 Doanh thu hoạt động tài chính	19
2.2.4.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	19
2.2.4.2 Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
2.2.5 Chi phí hoạt động tài chính	20
2.2.5.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng	20
2.2.5.2 Sơ đồ 2.6 – Trình tự kế toán chi phí tài chính	21
2.2.6 Kế toán thu nhập và chi phí khác	22
2.2.6.1 Thu nhập khác	22
2.2.6.2 Chi phí khác	23
2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	24
2.3.1 Khái niệm	24
2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	24
2.3.3 Sơ đồ kế toán	25
CHƯƠNG III : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	
3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28
3.1.1 Đặc điểm	28
3.1.2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28
3.1.2.1 Tài khoản sử dụng	28
3.1.2.2 Trình tự kế toán	28
3.2. Kế toán chi phí	31
3.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán	31
3.2.1.1 Chứng từ sử dụng	31
3.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng	31
3.2.1.3 Quy trình tính giá vốn hàng bán	31
3.2.2 Kế toán chi phí bán hàng	32
CHƯƠNG IV: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ	
4.1. Nhận xét	50
4.1.1 Ưu điểm	50
4.1.2 Nhận xét chung về đội ngũ nhân viên	50
4.1.3 Nhận xét về tổ chức kế toán của công ty	50
4.1.4 Nhận xét về kế toán xác định kết quả kinh doanh	51
4.2. Kiến nghị	52
4.3. Kết luận	52
TÀI LIỆU THAM KHẢO	54
PHỤ LỤC	55

LỜI MỞ ĐẦU

Trong điều kiện hiện nay, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng được phản ánh qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh mà công ty đạt được. Đó là doanh thu mà công ty thu vào phải lớn hơn chi phí bỏ ra (bao gồm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn bán hàng...), tức là công ty đã kinh doanh thực sự có hiệu quả.

Như vậy, kết quả bán hàng tạo ra doanh thu bán hàng, chúng có mối quan hệ tỉ lệ thuận với nhau, doanh thu chính là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Ngoài các yếu tố đầu vào, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu sản xuất để tiến hành sản xuất tạo sản phẩm, doanh nghiệp còn phải tiến hành tiêu thụ sản phẩm, làm sao cho sản phẩm của mình đưa ra thị trường được ưa chuộng, thông qua chất lượng và mẫu mã của sản phẩm, để tạo doanh thu cho doanh nghiệp. Khi kinh doanh bất cứ doanh nghiệp nào cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa và để đạt được lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lý. Đây là vấn đề quan trọng quyết định sự tồn tại của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại công ty TNHH YC-TEC Việt Nam, nhận được sự giúp đỡ của ban giám đốc công ty và các anh chị của bộ phận kế toán, cùng với sự hướng dẫn của giảng viên Phạm Thị Huyền Quyên, em xin đi sâu vào nghiên cứu đề tài: **“Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH YC-TEC Việt Nam”**.

Cấu trúc bài luận gồm 3 chương:

- **Chương I:** Tổng quan về công ty TNHH YC-TEC Việt Nam.
- **Chương II:** Cơ sở lý luận kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty YC-TEC Việt Nam.
- **Chương III:** Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty YC-TEC Việt Nam.
- **Chương IV:** Nhận xét và kiến nghị

Mặc dù đã cố gắng nhiều, song bản thân em chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế, cũng như trong đề tài báo cáo, nên không khỏi những sai sót. Do vậy, em mong nhận

Báo cáo thực tập

GVHD : Th.s Phạm Thị Huyền Quyên

được nhiều ý kiến đóng góp hơn để hoàn thiện bài báo cáo của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I : TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH YC – TEC VIỆT NAM

.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH YC – TEC Việt Nam

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH YC-TEC Việt nam.
- Tên giao dịch: YC-TEC VietNam Corporation.
- Tên viết tắt: YC-TEC VietNam Corp.
- Ngày thành lập: 20/12/2001.
- Điện thoại: (0650).3732819.
- Fax: (0650).3732820
- Trụ sở chính: Số 7, đường 12, khu công nghiệp Sóng Thần 2, thị xã Dĩ An, Bình Dương.
- Tổng giám đốc: Ông Lee Seok Ho.
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số: 462023000573 do ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp ngày 20/12/2001.
- Vốn đầu tư: 300 tỷ đồng.

1 Quá trình hình thành và phát triển

Được thành lập từ năm 2001 do ban quản lý các khu công nghiệp và UBND tỉnh Bình Dương cấp, là công ty TNHH sản xuất và gia công giày, đế giày, phụ liệu cho ngành công nghiệp giày dép. Đến năm 2011, công ty phát triển thêm công nghệ sản xuất chế biến hạt nhựa, nguyên liệu cho ngành sản xuất giày dép, và cho thuê nhà xưởng xây sẵn.

Trong 10 năm phát triển, công ty đã sản xuất, xuất khẩu sản phẩm qua nhiều quốc gia trên thế giới. Năm 2010, công ty đã đầu tư, xây dựng thêm một nhà máy gồm 3 xưởng sản xuất giày chuyên hạt nhựa. Với tinh thần làm việc có trách nhiệm, đội ngũ cán bộ tận tình trong nghề và tinh thần phục vụ tận tụy, chu đáo, công ty có thể đáp ứng đa dạng các yêu cầu của khách hàng nhưng vẫn đảm bảo lợi ích cho các bên.

Ngoài công ty TNHH YC-TEC Việt Nam có trụ sở chính tại Bình Dương, có công ty mẹ đặt tại Hàn Quốc, và công ty đang tiến hành đầu tư xây dựng và phát triển thêm chi nhánh tại Indonexia. Đây là bước phát triển vượt bậc của công ty trong tương lai, tạo uy tín, sự tin nhiệm cho khách hàng và đối tác của công ty.

2 Chức năng, nhiệm vụ, ngành nghề sản xuất kinh doanh

1 Chức năng

Công ty là nhà cung cấp các loại đế giày, hạt nhựa phục vụ cho quá trình sản xuất giày dép.

2 Nhiệm vụ

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, nền kinh tế nước ta ngày càng phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được nâng cao. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, công ty đã đặt ra cho mình nhiệm vụ:

- Tìm hiểu nhu cầu của khách hàng trên thị trường. Công ty đã mở rộng quy mô sản xuất qua các nước châu Âu, châu Á trên thế giới.

Nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Tạo chỗ đứng lành mạnh trên thị trường quốc tế.

3 Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm

Quy trình sản xuất hạt nhựa:

- Bước 1: Cân và trộn nguyên liệu tự động (kiểm tra các thành phần nguyên liệu

trước khi trộn).

- Nhiệt độ máy: $100 \pm 10^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ nguyên liệu: $120 \pm 10^{\circ}\text{C}$.

- Bước 2: Cán nguyên liệu (máy cán phải được vệ sinh sạch sẽ, nhiệt độ cán: 65

$\pm 5^{\circ}\text{C}$).

- Bước 3: Sàng và sấy khô nguyên liệu.

- Bước 4: Cắt nguyên liệu thành hạt.

- Kích thước hạt: 3 mm.

- Nhiệt độ : $80 \pm 10^{\circ}\text{C}$.

- Bước 5: Sàn hạt (tách và phân loại hạt).

- Bước 6: Đóng gói.

2. Công tác tổ chức hoạt động kinh doanh**1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý**

Sơ đồ 1.1: bộ máy quản lý

2 Chức năng, nhiệm vụ

- Hội Đồng Quản Trị:

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quyền lực cao nhất, có trách nhiệm trước Đại Hội Cổ Đông, quản lý và tổ chức các quyết định của Đại Hội Cổ Đông.

- Ban Giám Đốc:

Ban Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị bầu ra, thông qua Đại Hội Cổ Đông chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo mục tiêu định hướng mà Đại Hội Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị thông qua.

- Bộ Phận Tổng Vụ:

Có chức năng giúp Tổng Giám Đốc về mô hình tổ chức bộ máy của công ty: xây dựng mô hình tổ chức, quản lý nhân sự, lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nguồn lực nhân sự, các chính sách tiền lương và các khoản trích theo lương...

- Bộ Phận Kế Toán:

Tham mưu cho Ban Giám Đốc công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán và thống kê. Lập kế hoạch tài chính ngắn hạn và dài hạn phục vụ cho yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty. Tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn và tài sản của công ty.

Phân tích, phản ánh tình hình biến động tài sản nguồn vốn của công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh. Tổ chức quản lý bộ máy kế toán phù hợp để giám sát, kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính của công ty, thông qua việc ghi chép sổ sách, chứng từ kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh cuối năm của công ty.

Hướng dẫn, lập các hợp đồng kinh tế và thanh toán, quyết toán các hợp đồng khi đến hạn theo nội dung và các điều khoản đã được ký kết trong hợp đồng. Xác định và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả kiểm kê định kỳ tài sản và nguồn vốn Tổ chức lưu giữ hồ sơ, chứng từ, sổ sách, tài liệu nghiệp vụ của công ty.

- Bộ Phận Nguyên Liệu:

Cân đối các loại nguyên vật liệu, lựa chọn, điều chỉnh nguyên liệu phù hợp với

chất lượng sản phẩm trước khi đưa vào sản xuất.

- **Bộ Phận Kế Hoạch:**

Có chức năng lên kế hoạch cho quá trình sản xuất sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm.

- **Bộ Phận Marketing:**

Có chức năng quảng bá, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- **Bộ Phận Phát Triển:**

Có chức năng phát triển, nghiên cứu mẫu hàng mới, phát triển công nghệ sản xuất.

3. Tổ chức công tác kế toán của công ty

1 Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Sơ đồ 1.2: bộ máy kế toán

2 Chức năng, nhiệm vụ

- **Kế toán trưởng:**

- Tổ chức, điều hành toàn bộ hoạt động của bộ máy kế toán và các báo cáo tài chính.
- Chấp hành các quy định luật và kiểm tra các quy định trong công ty.
- Trợ giúp giám đốc trong việc điều hành và tổ chức nguồn vốn của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về hoạt động kế toán của công ty. Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho công tác quản lý công ty và các đối tượng bên ngoài có liên quan.

- Kế toán tổng hợp:
 - Lập đầy đủ, đúng hạn của các báo cáo kế toán.
 - Tổ chức bảo quản, lưu trữ các chứng từ, tài liệu kế toán.
 - Tính toán kịp thời, chính xác và thanh toán lương và các khoản trích theo lương của công nhân viên theo quy định.
- Kế toán công nợ:
 - Nhập số liệu và quản lý các khoản nợ phải thu, đã thu của khách hàng và khoản nợ phải trả, đã trả cho nhà cung cấp.
- Kế toán bán hàng:
 - Theo dõi tình hình công nợ và thanh toán tiền gửi, tiền mặt, thuế tại đơn vị.
- Kế toán nguyên vật liệu:
 - Tuân thủ các quy định về tổ chức hệ thống chứng từ, thời gian và trình tự lập chứng từ.
 - Bảo quản và lưu trữ các chứng từ.
 - Thống nhất hệ thống sổ sách nguyên vật liệu, phục vụ cho công tác quản lý nguyên vật liệu.

3 Các chính sách kế toán

1 Các quy định chung

Là một công ty có các nghiệp vụ phát sinh thường xuyên, nên công tác hạch toán cũng khá phức tạp, tuy vậy việc vận dụng vẫn theo quy chế của chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và những quy định của bộ Tài Chính ban hành:

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hằng năm.
- Đơn vị tiền tệ mà công ty sử dụng ghi chép trong công tác kế toán, lập báo cáo tài chính là Việt Nam Đồng (VND) và đồng ngoại tệ (USD).
- Công ty sử dụng phần mềm kế toán Unesco phiên bản năm 2004.
- Kế toán hàng tồn kho: công ty sử dụng theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: công ty sử dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế GTGT: công ty sử dụng phương pháp tính thuế theo phương pháp khấu trừ.

2 Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

Chứng từ kế toán là giai đoạn đầu tiên của việc ghi sổ, lập báo cáo nhằm phản ánh các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán giúp quản lý có được những thông tin kịp thời chính xác và đầy đủ cho các hoạt động kinh doanh. Các chứng từ công ty sử dụng là các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán, như: phiếu thu, phiếu chi, phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT, các hợp đồng kinh tế, phiếu nhập, phiếu xuất nguyên vật liệu, giấy đề nghị tạm ứng, giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn tài chính, sổ phụ ngân hàng,... Các chứng từ xuất, nhập hàng xuất khẩu như tờ khai hải quan, phiếu xuất nhập khẩu... .

3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

- Dựa theo quyết định số 15/QĐ-BTC của bộ tài chính, công ty đã áp dụng các tài khoản kế toán theo hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam hiện hành, gồm 10 loại tài khoản từ loại 1 đến loại 9 và tài khoản ngoài bảng tài khoản loại 0.
- Các tài khoản công ty thường sử dụng: tiền mặt (TK 111), tiền gửi ngân hàng (TK 112), nguyên vật liệu (TK 152), doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu hoạt động tài chính (TK 515), chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (TK 621), chi phí nhân công trực tiếp (TK 622), chi phí sản xuất chung (TK 627), giá vốn hàng bán (TK 632), chi chí tài chính (TK 635), chi phí bán hàng (TK 641), chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642), xác định kết quả kinh doanh (TK 911)

4 Hệ thống báo cáo kế toán

Báo cáo kế toán được lập sau khi kết thúc mỗi quý, để tiến hành tổng hợp, đối chiếu các số liệu và tính ra số dư cuối kì các tài khoản. Gồm:

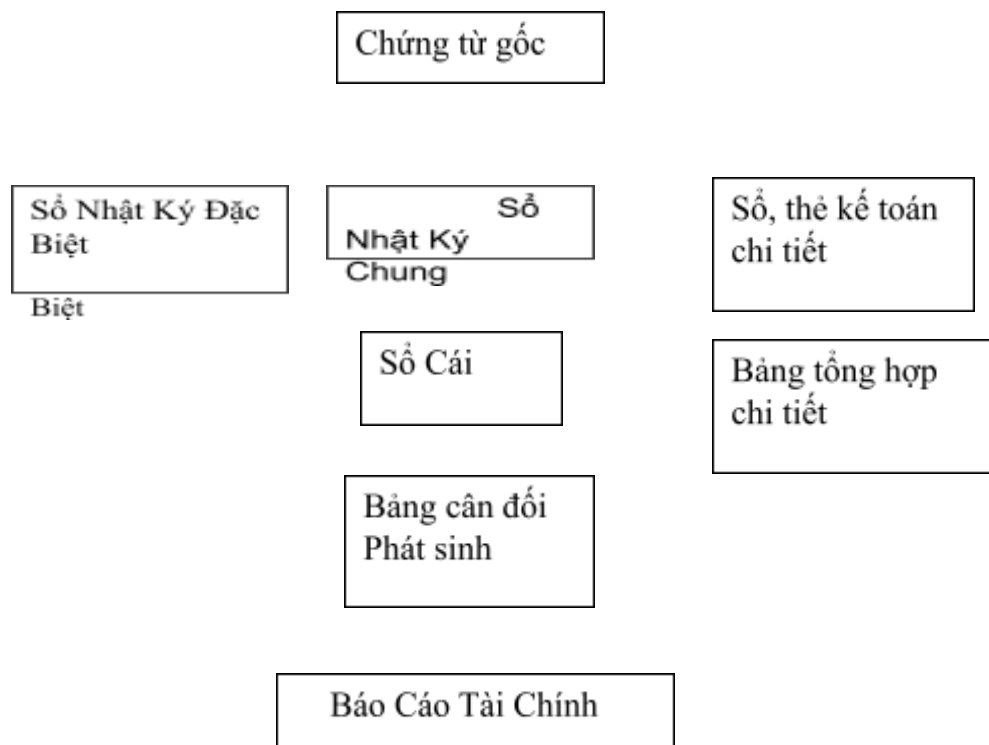
- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Các báo cáo này được lập để giải trình cho các hoạt động của một kỳ kế toán, như:
 - + Hàng tháng công ty lập báo cáo thuế.
 - + Hàng quý, hàng năm công ty lập báo cáo tài chính.
 - + Các báo cáo trên được lập theo yêu cầu khi cần thiết, chúng đều quan trọng trong các hoạt động kinh tế của công ty.

5 Hình thức sổ kế toán

Là công ty có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, với quy mô sản xuất vừa, và phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán, công ty đã áp dụng hình thức ghi sổ “Nhật Ký Chung”.

Sơ đồ 1.3: Hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày:

Ghi cuối tháng, hoặc định kì:

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra:

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra để ghi sổ, Mọi nghiệp vụ kinh tế

phát sinh đều ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó lấy số liệu từ sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Sổ, thẻ kế toán chi tiết dùng để ghi các nghiệp vụ kế toán có liên quan có yêu cầu theo dõi chi tiết. Sổ nhật ký đặc biệt là một phần của sổ nhật ký chung, dùng để phản ánh các loại nghiệp vụ có phát sinh nhiều lần. Cuối tháng, tổng hợp từng sổ nhật ký đặc biệt để ghi vào sổ cái, đồng thời căn cứ vào sổ cái để lập bảng cân đối phát sinh.

CHƯƠNG II: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1 Khái niệm

Doanh thu bán hàng: là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng số doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng, trên hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Doanh thu = số lượng hàng hóa, sản phẩm tiêu thụ * đơn giá.

Doanh thu đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của công ty, bởi: doanh thu đóng vai trò trong việc bù đắp chi phí, doanh thu bán hàng phản ánh quy mô của quá trình sản xuất, trình độ quản lý sản xuất kinh doanh của công ty. điều đó chứng tỏ sản phẩm của công ty được người tiêu dùng biết đến và chấp nhận.

2 Doanh thu hợp đồng thương mại

- Doanh thu xác định ban đầu được ghi trong hợp đồng.

Khi thực hiện việc kí kết hợp đồng, các bên cần xem xét kỹ các điều khoản ghi trong hợp đồng, nếu có sai sót, điều chỉnh các điều khoản đó cần có sự thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản làm tăng, giảm doanh thu khi thực hiện hợp đồng. Có thể:

- + Các bên đồng ý thay đổi các yêu cầu trong hợp đồng.
- + Doanh thu trong hợp đồng tăng do giá, hoặc tỉ giá tăng.
- + Doanh thu giảm do công ty không giao hàng đúng hạn hoặc không đảm bảo chất lượng của sản phẩm.

Các khoản thu khác từ khách hàng cho các chi phí không bao gồm trong hợp đồng hoặc do sự chậm trễ của khách hàng và các thay đổi khác không có trong hợp

đồng.

3 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi sản phẩm của công ty thay đổi chủ sở hữu và việc mua bán hàng hóa được thanh toán qua tài khoản hoặc bằng tiền mặt có hóa đơn do sự chấp thuận hình thức thanh toán của người mua.

Việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau. Khi ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu.

Quá trình bán hàng là quá trình thực hiện quan hệ trao đổi thông qua các phương tiện thanh toán để thực hiện giá trị của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Trong đó công ty phải chuyển giao sản phẩm cho khách hàng, còn khách hàng trả cho công ty khoản tiền tương ứng. Thời điểm xác định doanh thu tùy thuộc vào từng phương thức bán hàng và phương thức thanh toán tiền bán hàng.

4 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ: Hợp đồng thương mại, hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho và các chứng từ khác có liên quan.
- Tài khoản sử dụng: tài khoản 511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Bên nợ:

- Số thuế phải nộp (thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp) tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển trừ vào doanh thu.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “ xác định kết quả kinh doanh”.

Bên có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

5 Sổ sách sử dụng

Sử dụng sổ chi tiết tài khoản 511.

6 Trình tự kế toán doanh thu

SƠ ĐỒ 2.1 - SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

TK 511	TK 112,131	TK 521,531,532	TK 511
TK 33311		TK 33311	

phân mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành, đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Giá thành sản phẩm là căn cứ tính toán hiệu quả kinh tế các hoạt động sản xuất trong doanh nghiệp, để giúp cho việc nghiên cứu và quản lý tốt giá thành sản phẩm, kế toán cần phân biệt các loại giá thành khác nhau:
 - *Giá thành kế hoạch*: là giá thành được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch do bộ phận kế toán tính toán trước khi bắt đầu quá trình sản xuất.

Giá thành kế hoạch = giá thành định mức * tổng sản phẩm kế hoạch

- *Giá thành định mức*: cũng như giá thành kế hoạch, giá thành định mức cũng được xác định trước khi bắt đầu sản xuất sản phẩm. Tuy nhiên định mức được xác định trên cơ sở các định mức về chi phí hiện hành tại từng thời điểm nhất định trong kì kế hoạch (thường là ngày đầu tháng) nên giá thành kế hoạch luôn thay đổi phù hợp với sự thay đổi của định mức chi phí đạt trong quá trình thực

hiện kế hoạch giá thành.

- *Giá thành thực tế*: là giá thành tính trên cơ sở chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh, tập hợp được trong kì và sản lượng thực tế đã hoàn thành, giá thành thực tế chỉ biết được sau khi kết thúc quá trình sản xuất. Giá thành này là căn cứ để so sánh với giá thành kế hoạch, từ đó phân tích các biện pháp thực hiện để hạ giá thành và làm căn cứ để xác định kết quả.

Cách phân loại này được xác định theo số liệu của kế toán, có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định nguyên nhân hụt hay vượt định mức chi phí kì hạch toán. Từ đó điều chỉnh kế hoạch hoặc định mức chi phí cho phù hợp.

- **Phương pháp tính giá thành**

Tính giá thành sản phẩm là việc xác định chi phí sản xuất cho đối tượng giá thành theo từng khoản mục chi phí (khoản mục giá thành).

Để tính giá thành sản xuất sản phẩm, công ty đã sử dụng hai phương pháp sau:

- *Phương pháp tính giá thành giản đơn*:

Theo phương pháp này, giá thành sản phẩm được tính bằng cách căn cứ trực tiếp vào CPSX đã tập hợp được theo từng đối tượng tập hợp chi phí trong kì và tính giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ, cuối kỳ để tính ra giá thành sản phẩm theo công thức:

$$Z_{tt} = D_{đk} + C - D_{ck}$$

Trong đó:

$D_{đk}$ và D_{ck} : CPSX dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : tổng CPSX thực tế phát sinh trong kỳ.

Z_{tt} : tổng giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành.

- *Tính giá thành theo phương pháp hệ số*:

Phương pháp này áp dụng trong cùng một quy trình công nghệ thu được nhiều loại sản phẩm khác nhau (liên sản phẩm) và giữa những loại sản phẩm đó có quan hệ tỉ lệ được bộ phận kỹ thuật xác định hệ số cho từng loại sản phẩm. Đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm thu được trong liên sản phẩm và dùng hệ số tính giá thành để phân bổ giá thành của liên sản phẩm cho từng loại sản phẩm.

Trình tự các bước tính giá thành như sau:

- Xác định giá thành của liên sản phẩm (theo phương pháp trực tiếp).

- Tính giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn:

$$\Sigma Z \text{ liên sp}$$

$$Z_{đvspc} =$$

$$\Sigma_{spc}$$

$$\Sigma_{spc} = \Sigma_{spht} \times \text{hệ số sp}$$

- Tính giá thành từng loại sản phẩm:

$$Z_{sp} = (spht \times \text{hệ số sp}) \times Z_{đvspc}$$

$$\Sigma Z_{sp}$$

$$Z_{đvsp} =$$

$$spht$$

Trong đó:

- $Z_{đvspc}$: giá thành đơn vị sản phẩm chuẩn sản phẩm hoàn thành.
- $Z \text{ liên sp}$: tổng giá thành liên sản phẩm.
- Σ_{spc} : tổng sản phẩm chuẩn sản phẩm hoàn thành.
- Σ_{spht} : tổng sản phẩm hoàn thành.
- Hệ số sp: hệ số sản phẩm.
- Z_{sp} : giá thành từng sản phẩm.
- Spht: sản phẩm hoàn thành trong quy trình sản xuất sản phẩm.
- $Z_{đvsp}$: giá thành đơn vị từng sản phẩm.
- Z_{sp} : tổng giá thành sản phẩm.

2 Kế toán giá vốn hàng bán

- **Chứng từ ghi sổ** : phiếu xuất kho, hóa đơn bán hàng.
- **Tài khoản sử dụng** : TK 632 – giá vốn hàng bán.

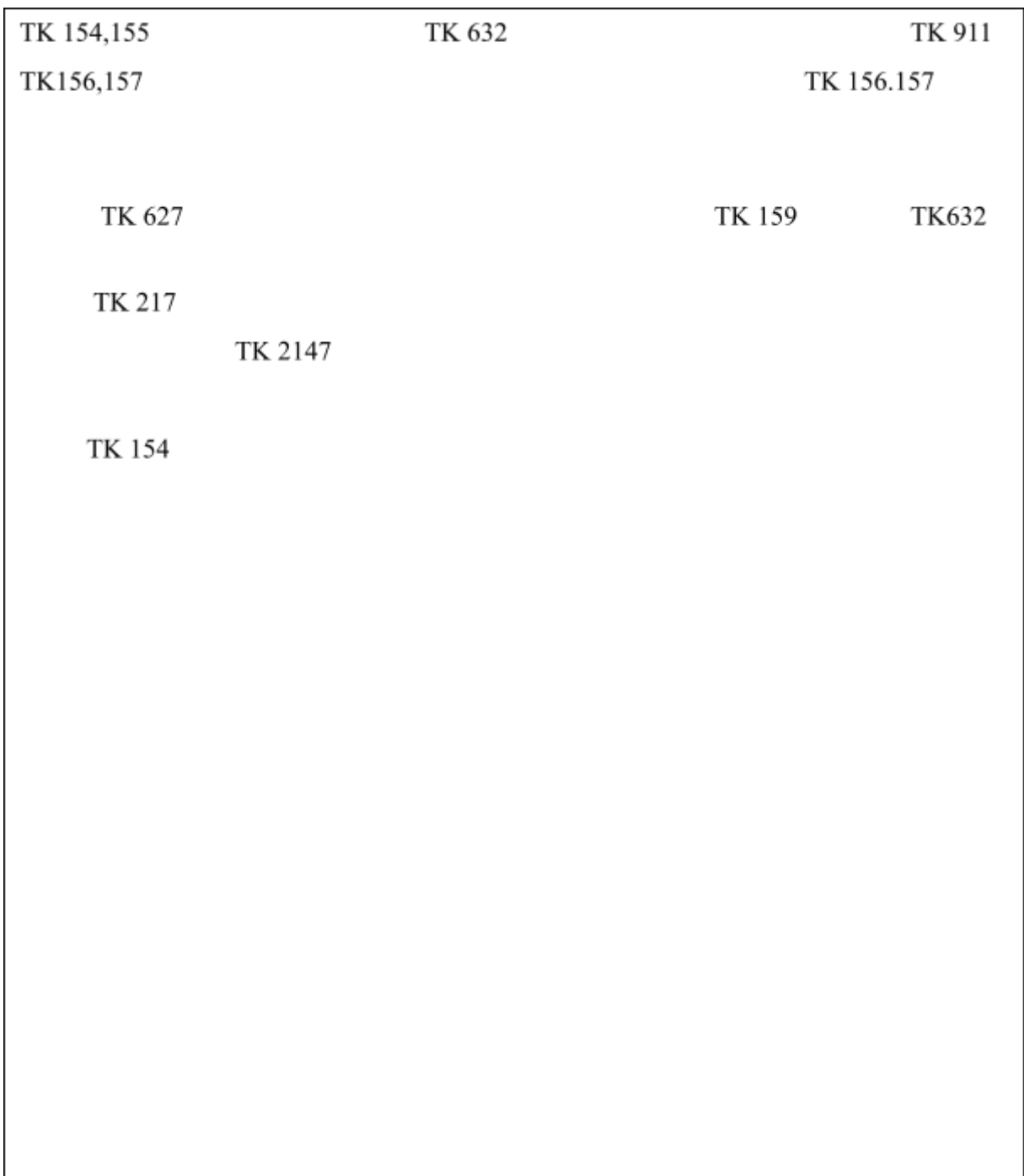
Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán ra trong kỳ.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ qua TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh”.
- *Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*
 - **Sổ sách kế toán :** Sổ chi tiết TK 632
 - **Trình tự kế toán giá vốn hàng bán**

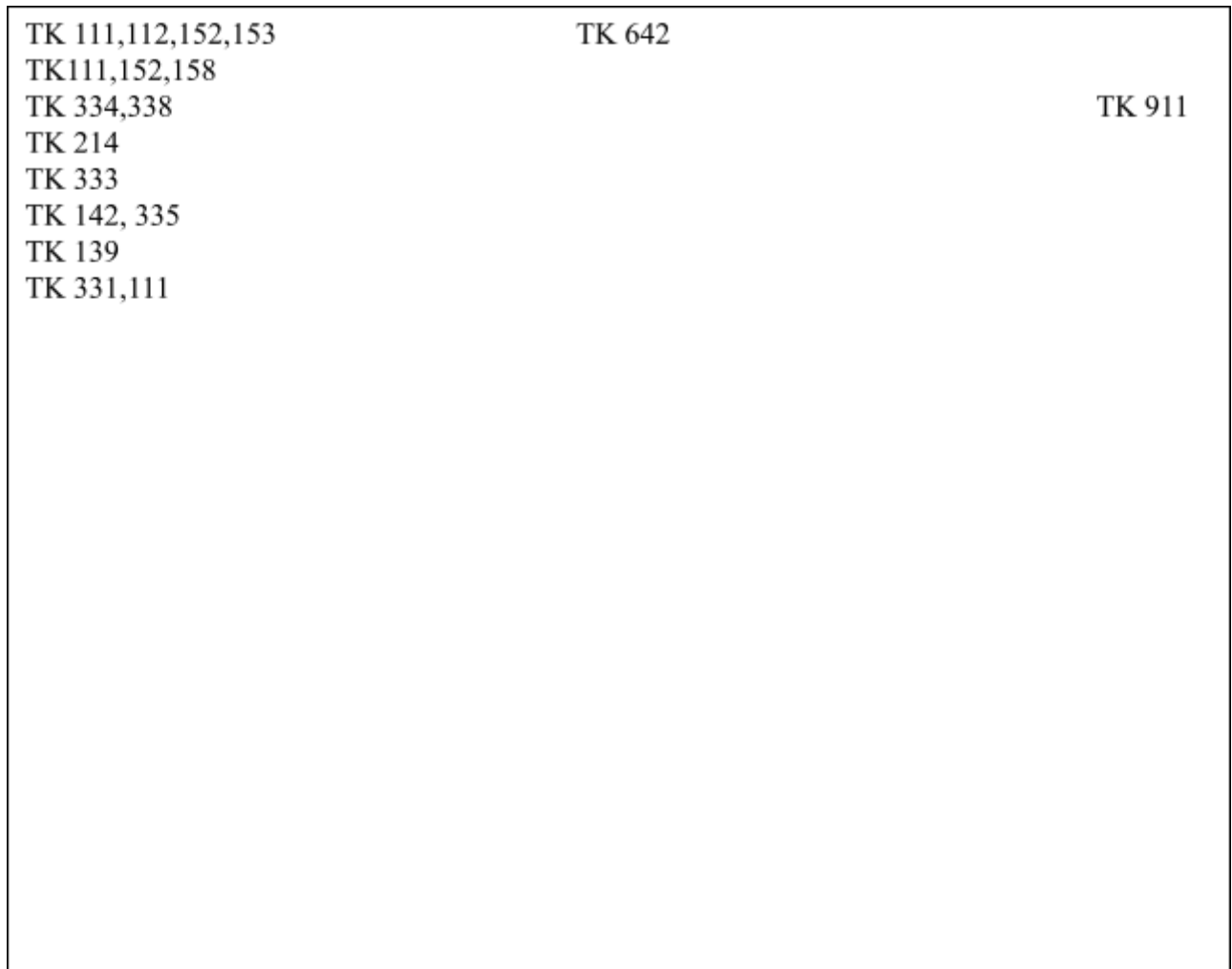
**SƠ ĐỒ 2.2 - SƠ ĐỒ KẾ TOÁN GIÁ VỐN HÀNG BÁN
(THEO PHƯƠNG PHÁP KÊ KHAI THƯỜNG XUYÊN)**



Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

8 Trình tự kế toán quản lý doanh nghiệp

SƠ ĐỒ 2.4 - SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP



4 Doanh thu hoạt động tài chính

9 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ: sổ phụ ngân hàng.
- Tài khoản sử dụng: TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính. TK này dùng để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Bên nợ:

Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).

Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 – xác định kết quả kinh

doanh.

Bên có:

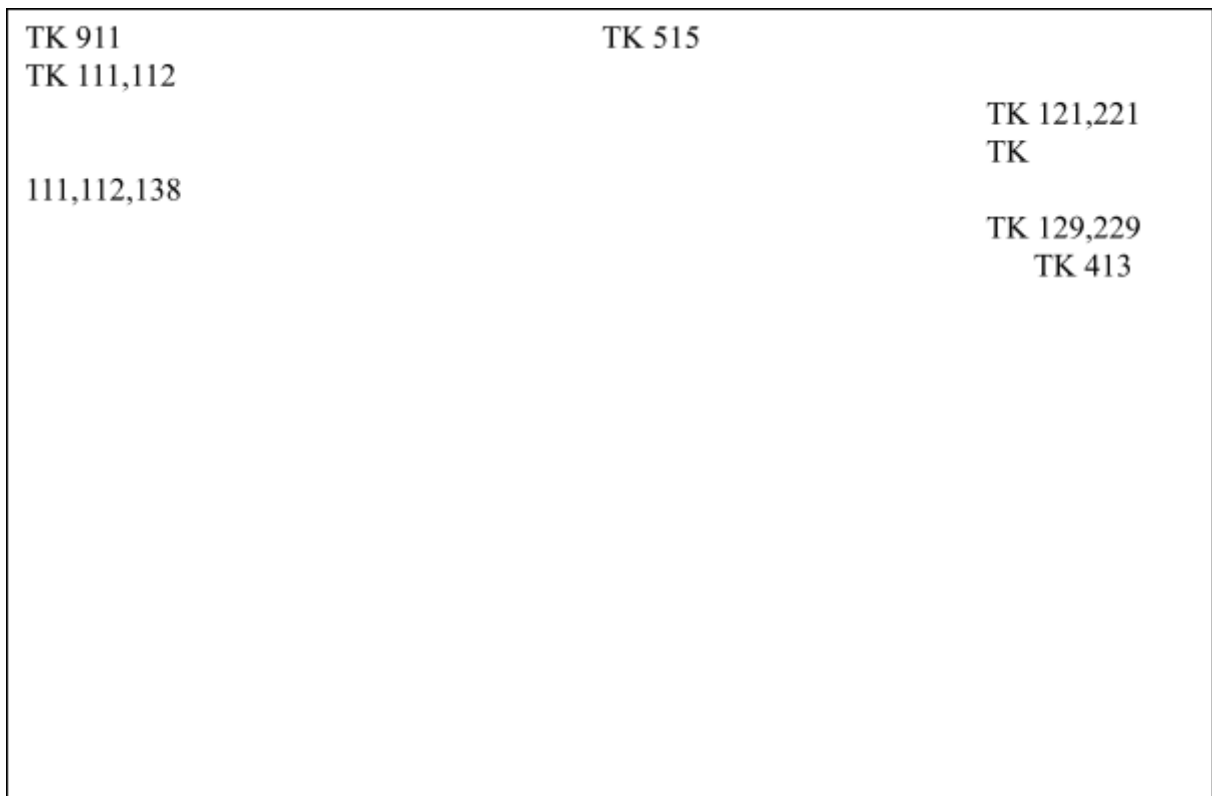
Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

Các năm sau bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12 cùng năm. Đơn vị tiền tệ được sử dụng chính thức trong ghi chép sổ kế toán là đồng Việt Nam.

10 Trình tự kế toán doanh thu hoạt động tài chính

SƠ ĐỒ 2.5 – SƠ ĐỒ KẾ TOÁN DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH



- + Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ hạch toán của hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ.
- + Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Bên có:

- + Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- + Kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- + *TK 635 không có số dư cuối kỳ.*

12 **Sơ đồ 2.6 – Trình tự kế toán chi phí tài chính**

SƠ ĐỒ 2.6 – SƠ ĐỒ KẾ TOÁN CHI PHÍ TÀI CHÍNH

TK 111,112, 141	TK 635	TK
911		
TK 121,221		
TK 128,222		
TK 111, 112		
TK 129,229		
TK 413		

thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có).
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ sang TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
- *Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

TK 911	TK 711	
TK 111,112		
		TK 331,338
		TK 111,112

Các khoản chi phí khác phát sinh.

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

TK 211	TK 214	TK 811	TK 911
TK 111,112, 331			

3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1 Khái niệm

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác trong kỳ hạch toán của doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm sản phẩm của hàng hóa, dịch vụ) và thuế phải nộp theo quy định của pháp luật của từng kỳ kế toán.

Nguyên tắc kế toán: trước khi khóa sổ kế toán và xác định kết quả kinh doanh của kỳ hạch toán, kế toán cần thực hiện bút toán điều chỉnh để điều chỉnh doanh thu, chi phí cho phù hợp.

2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ: hóa đơn đầu vào, hóa đơn đầu ra, bảng khấu hao tài sản, bảng lương.
- Tài khoản sử dụng: TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên nợ:

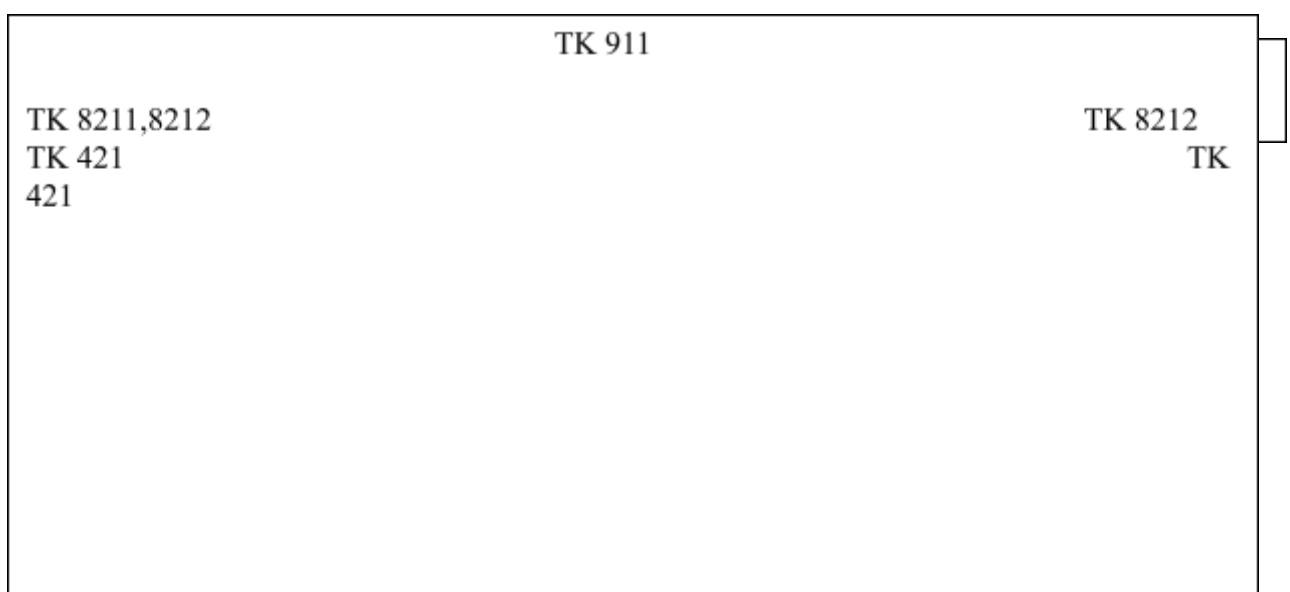
- + Kết chuyển giá vốn hàng bán.
- + Kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.
- + Kết chuyển chi phí tài chính và chi phí khác.

Bên có:

- + Doanh thu thuần thực hiện trong kỳ.
- + Doanh thu thuần từ hoạt động tài chính và các hoạt động khác.
- + Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (lỗ).

3 Sơ đồ kế toán

SƠ ĐỒ 2.9 – SƠ ĐỒ KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH



hoạt động, như: hoạt động tài chính, hoạt động sản xuất,...

- Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Trình bày kết quả kinh doanh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin để tạo ra những khoản thu nhập cho doanh nghiệp trong tương lai.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm:.....

Đơn vị tính:...

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	01	VI.25		
2.các khoản giảm trừ doanh thu.	03			
3.doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03).	10			
4.giá vốn hàng bán.	11	VI.27		
5.lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11).	20			
6.doanh thu hoạt động tài chính.	21	VI.26		
7.chi phí tài chính.	22	VI.28		
Trong đó: chi phí lãi vay.	23			
8.chi phí bán hàng.	24			
9.chi phí quản lý doanh nghiệp.	25			
10.lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25)}.	30			
11.thu nhập khác.	31			
12.chi phí khác.	32			
13.lợi nhuận khác (33 = 31 – 32).	33			
14.tổng lợi nhuận trước thuế	40			

(40 = 30 + 33).				
15.tổng thu nhập chịu thuế.	50			
16.thuế TNDN phải nộp.	51	VI.30		
17.lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50– 51).	60			

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Nhìn chung, chương hai đã nêu lên khái quát lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nhằm xác định rõ việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Là cơ sở cho việc nghiên cứu thực trạng ở chương tiếp theo.

CHƯƠNG III : THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1 Đặc điểm

- Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam là đơn vị chuyên cung cấp các mặt hàng về đế giày, dép và các phụ liệu của ngành công nghiệp giày dép xuất khẩu.
- Sau khi công ty (bên A) ký kết hợp đồng với khách hàng (bên B), bên A bắt đầu đi vào sản xuất và giao hàng cho bên B đúng thời hạn như đã ký trong hợp đồng. Bên B sau khi nhận hàng, kiểm tra hàng đạt chất lượng, hai bên tiến hành làm thủ tục thanh toán. Thời hạn thanh toán tùy vào từng khách hàng và từng hợp đồng đã thỏa thuận ban đầu. Bên A xuất hóa đơn và tiến hành ghi nhận doanh thu trên sản phẩm đã hoàn thành.
- Khi ghi nhận doanh thu, công ty sử dụng hóa đơn GTGT và được lập thành 3 liên: liên 1 (lưu tại công ty), liên 2 (giao khách hàng), liên 3 (dùng lưu chuyển nội bộ).

2 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1 Tài khoản sử dụng

Khi ghi nhận doanh thu, kế toán sẽ phản ánh vào TK 511 – đối ứng TK 131 (chi tiết khách hàng).

2 Trình tự kế toán

Sau khi ghi nhận doanh thu, kế toán hạch toán doanh thu vào sổ nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết bán hàng.

Trong tháng 11/2011. Doanh thu của công ty là: 326.185.652.608 VND, trong đó:

- Doanh thu hàng xuất khẩu là: 323.610.660.623 VND.
- Doanh thu hàng tiêu thụ nội địa: 2.574.991.985 VND.

Sau khi ký hợp đồng xuất khẩu hàng với công ty PT.BU KYUNG Indonexia, ngày 05/11/2011, công ty phát hành hóa đơn số 0406 sau khi kiểm tra sản phẩm đã hoàn thành với giá trị thanh toán là 425.563.944 VND.

Kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu:

Nợ 131: 425.563.944

Có 511: 425.563.944

Hóa đơn số 0406 được lập thành 3 liên, tuy nhiên khi giao dịch với công ty BKI (công ty nước ngoài) thì công ty BKI không nhận hóa đơn GTGT mà chỉ nhận hóa đơn thương mại (Invoice) nên công ty đã giữ lại cả 3 liên.

(đính kèm phụ lục 1 – hóa đơn xuất khẩu, phiếu xuất kho).

Cùng ngày 05/11/2011, công ty phát hành hóa đơn số 2805 (phụ lục 2) cho công ty cổ phần đầu tư 434 (đã ký hợp đồng) với giá trị thanh toán là 73.840.034 VND. Kế toán ghi nhận doanh thu:

73.840.034

511: 67.127.312

3331: 6.712.731

Nợ 131:

Có

Có

(đính kèm phụ lục 2 – hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho).

Ngày 30/11/2011, kế toán kết chuyển doanh thu bán hàng sang TK 911.

Nợ 511: 326.185.652.608

Có 911: 326.185.652.608

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
SVN11192	05/11/2011	Bán hàng bộ phận để giấy cho BKI ngày 05/11/2011.	1311	1311		425.563.944
SVN11186	05/11/2011	Bán hàng bộ phận để giấy cho ĐT434 ngày 05/11/2011.	1311	1311		73.840.034
.....	...		...	...		
KC111110	30/11/2011	Kết chuyển doanh Thu bán hàng để	5111	911	326.185.652.608	

		XĐ KQKD tháng 11/2011.				
		Tổng phát sinh			326.185.652.608	326.185.652.608
		Số dư cuối kỳ				

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>	<i>(ký, ghi rõ họ tên)</i>

2. **Kế toán chi phí**

1 **Kế toán giá vốn hàng bán**

1 **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

2 **Chứng từ và tài khoản sử dụng**

TK 632 – giá vốn hàng bán

3 **Quy trình tính giá vốn hàng bán**

Sau khi tập hợp tất cả các chi phí, kế toán lập bảng kê chi tiết để tính giá thành sản phẩm theo phương pháp tỷ lệ trên cơ sở định mức nguyên vật liệu đã được lên kế hoạch. Căn cứ vào tổng số lượng đã được hoàn thành nhập kho trong kỳ để tính giá thành của từng loại sản phẩm. Trên cơ sở đó kế toán thực hiện việc xuất kho thành phẩm, giá vốn được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và tiến hành ghi nhận giá vốn vào sổ nhật ký chung, sổ cái và sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

Vd: ngày 30/11/2011, công ty xuất 1 lô hàng đế giày với trị giá 2.925.608.951

VNĐ, kế toán ghi nhận giá vốn:

Nợ 632: 2.925.608.951

Có 155: 2.925.608.951

(Đính kèm phụ lục 3 – phiếu xuất kho số CVH1146).

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 632 – giá vốn hàng bán

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
CVH1146	30/11/2011	Giá vốn hàng bán ngày 30/11/2011	6321	155	2.925.608.951	
KC11119	30/11/2011	Kết chuyển giá vốn hàng bán để XD KQKD tháng 11/2011.	911	911		258.972.008.001
		Tổng phát sinh			258.972.008.001	258.972.008.001

		Số dư cuối kỳ				
--	--	---------------	--	--	--	--

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 30/11/2011, kế toán kết chuyển giá vốn hàng bán vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ 911: 258.972.008.001

Có 632: 258.972.008.001

2 Kế toán chi phí bán hàng

Kế toán chi phí hàng hóa gồm chi phí xuất khẩu. Hàng ngày bộ phận marketing xuất bán hàng hóa cho khách hàng, cuối tháng bộ phận tập hợp chi phí, chứng từ chuyển qua cho bộ phận kế toán hạch toán chi phí và định khoản kế toán như sau:

Nợ 641: chi phí bán hàng

Nợ 133: thuế gtgt đầu vào được khấu trừ

Có 331: phải trả người bán

Vd: ngày 30/11/2011, công ty xuất bán hàng cho công ty PT.BUKUNG Indonexia, ngoài việc ghi nhận doanh thu, giá vốn kế toán còn ghi nhận chi phí liên quan đến việc tiêu thụ hàng hóa đó bao gồm chi phí xuất khẩu với số tiền là 780.544.410 VNĐ, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ 641: 780.544.410

Nợ 133: 78.054.441

Có 331: 858.598.851

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 641 – chi phí bán hàng

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
TVL1172	30/11/2011	Hạch toán chi phí bán hàng ngày 30/11/2011	641	331	780.544.410	
.....			...	...		
KC11116	30/11/2011	Kết chuyển chi phí bán hàng để	911	911		2.797.189.455

		XĐ KQKD tháng 11/2011.				
		Tổng phát sinh			2.797.189.455	2.797.189.455
		Số dư cuối kỳ				

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chứng từ:

- Phiếu chi
- Phiếu đề nghị thanh toán
- bảng phân bổ khấu hao
- Hóa đơn GTGT

- Tài khoản sử dụng:

TK 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

- TK 6421 – chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – thuế, phí và lệ phí
- TK 6427 – chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – chi phí bằng tiền khác

Mọi chi phí phát sinh đều được kế toán ký, xét duyệt và lập phiếu chi, chi bằng tiền mặt hoặc bằng tiền gửi ngân hàng.

- Phương pháp kế toán:
 - Chi phí nhân viên quản lý: cuối tháng, kế toán tiền lương tổng hợp và lập bảng lương trình lên cho kế toán trưởng và giám đốc ký, sau đó tiến hành trả lương cho nhân viên bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

Nếu thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán tiền lương sau khi lập bảng lương có chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc tiến hành nhập liệu và xuất 3 bản ủy nhiệm chi: bản 1 (kế toán tiền gửi ngân hàng lưu), bản 2 (giao cho ngân hàng), bản 3 (lưu nội bộ).

Vd: ngày 30/11/2011, căn cứ vào bảng lương do kế toán tiền lương lập đã được kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt, kế toán tiến hành chi trả lương cho nhân viên theo bảng lương đã lập với số tiền là 1.867.158.380 VNĐ. Kế toán tiến hành ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ 642: 1.867.158.380

Có 334: 1.867.158.380

- Chi phí khấu hao TSCĐ: cuối tháng, kế toán thực hiện bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Phần mềm kế toán sẽ tự động tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

Vd: ngày 30/11/2011, kế toán hạch toán giá trị hao mòn TSCĐ hữu hình là 29.966.981 VNĐ.

Nợ 642: 29.966.981

Có 2141: 29.966.981

- Chi phí phí, lệ phí, thuế, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác:

Mọi chi phí có chứng từ như phiếu đề nghị thanh toán, hoá đơn GTGT từ nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ cho bộ phận quản lý, biên lai thu thuế...đều được chuyển về bộ phận kế toán để nhập số liệu vào phần mềm và lưu giữ.

Vd: ngày 08/11/2011, công ty thanh toán lệ phí hải quan tháng 10, chứng từ số

Báo cáo thực tập**GVHD : Th.s Phạm Thị Huyền Quyên**

PVL1131 số tiền là 1.000.000 VNĐ. Kế toán ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ 642: 1.000.000

Có 1111: 1.000.000

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 642 – chi phí quản lý doanh nghiệp

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đổi ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
PVL1131	08/11/2011	Thanh toán lệ phí hải quan tháng 10/2011	642	1111	1.000.000	
.....	...		...	...		
SLN1106	30/11/2011	Hạch toán chi phí	6421	334	1.867.158.380	

		tiền lương cho người lao động tháng 11/2011				
KC11117	30/11/2011	Kết chuyển chi phí QLDN để XD KQKD tháng 11/2011.	911	911		4.121.774.263
		Tổng phát sinh			4.121.774.263	4.121.774.263
		Số dư cuối kỳ				

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

4 **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu là khoản thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập do chênh lệch tỉ giá.

Tài khoản sử dụng: TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính.

Chứng từ sử dụng: sổ phụ ngân hàng, giấy báo có.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chứng từ ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính để nhập liệu và định khoản vào phần mềm kế toán.

Vd: căn cứ vào giấy báo có về lãi tiền gửi của ngân hàng SVB ngày 28/11/2011, kế toán nhập số lãi tiền gửi vào phần mềm TK tiền gửi ngân hàng:

Nợ 1121: 4.724.563

Có 511: 4.724.563

Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 515 – doanh thu hoạt động tài chính

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
BCL1131	28/11/2011	Nhận lãi từ ngân Hàng SVB tháng 11/2011	112103	1121		4.724.563
.....	...		...	...		
KC111111	30/11/2011	Kết chuyển doanh Thu tài chính để XĐ KQKD	515	911	5.527.366	

		tháng 11/2011.				
		Tổng phát sinh			5.527.366	5.527.366
		Số dư cuối kỳ				

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

5 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí trả lãi tiền vay và chi phí do lỗ về chênh lệch tỉ giá.

Tài khoản sử dụng: TK 635 – chi phí tài chính.

Chứng từ sử dụng: sổ phụ ngân hàng, giấy báo nợ.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chứng từ ghi nhận chi phí tài chính để nhập liệu và định khoản vào phần mềm kế toán.

Vd: ngày 25/11/2011, ngân hàng SVB gửi thông báo đến công ty về việc trả lãi tiền vay tháng 11/2011 và công ty trích tiền từ tài khoản tiền gửi ngân hàng để trả lãi vay, kế toán ghi nhận lãi vay như sau:

Nợ 635: 21.932.155

Có 1122: 21.932.155

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 635 – chi phí tài chính

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Mã số	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11				
.....	...		...	...		
BDL117 7	25/11/201 1	Thanh toán lãi từ ngân Hàng SVB tháng 11/2011	635 2	112 1	21.932.155	
.....	...		...	...		

KC11115	30/11/2011	Kết chuyển chi phí tài chính để XD KQKD tháng 11/2011.	911	911		820.458.305
		Tổng phát sinh			820.458.305	820.458.305
		Số dư cuối kỳ				

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

6 Kế toán thu nhập và chi phí khác

4 Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập kể trên gồm thu nhập từ việc bán phế liệu, thanh lý TSCĐ, các khoản khấu trừ lương của công nhân viên.

Tài khoản sử dụng: TK 711 – thu nhập khác.

Chứng từ sử dụng: hóa đơn GTGT, phiếu thu.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chứng từ ghi nhận các khoản thu nhập để nhập liệu và định khoản vào phần mềm kế toán tài khoản thu nhập khác.

Vd: ngày 11/11/2011, kế toán lập phiếu thu ghi nhận việc bán phế liệu cho DNTN Thanh Tùng 2 có hóa đơn kèm theo, kế toán tiến hành định khoản ghi nhận thu nhập khác:

Nợ 112: 17.634.616

Có 711: 16.031.469

Có 3331: 1.603.147

(đính kèm phụ lục 4 – phiếu thu, hóa đơn GTGT số 0844).

Sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái tổng hợp, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 711 – thu nhập khác

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11			
.....	...		...		
RVL1101A	11/11/2011	Thanh lý phế liệu tháng 11/2011	131		16.031.469

.....	...		...		
KC111112	30/11/2011	Kết chuyển thu nhập khác để XD KQKD tháng 11/2011.	911	37.252.453	
		Tổng phát sinh		37.252.453	37.252.453
		Số dư cuối kỳ			

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

5 Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính như các khoản nộp phạt thuế, vi phạm hợp đồng...

Tài khoản sử dụng: TK 811 – chi phí khác

Chứng từ sử dụng: phiếu chi, giấy báo nợ.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp chứng từ ghi nhận các khoản chi phí để nhập liệu và định khoản vào phần mềm kế toán tài khoản chi phí khác.

Vd: ngày 28/11/2011, công ty nhận được thông báo về việc nộp phạt thuế TNDN của văn phòng thuế tỉnh Bình Dương, kế toán định khoản ghi nhận vào tài khoản chi phí khác:

Báo cáo thực tập

GVHD : Th.s Phạm Thị Huyền Quyên

Nợ 811: 6.045.251

Có 111: 6.045.251

Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái tổng hợp, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Địa chỉ: 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tháng 11/2011

TK 811 – chi phí khác

Số CT	Ngày CT	Diễn giải	Đối ứng	Phát sinh nợ	Phát sinh có
		Tháng 11			
.....	...		...		

PVL1195	28/11/2011	Nộp phạt thuế TNDN	1111	6.045.251	
.....	...		...		
KC11118	30/11/2011	Kết chuyển chi phí khác để XD KQKD tháng 11/2011.	911		21.233.839
		Tổng phát sinh		21.233.839	21.233.839
		Số dư cuối kỳ			

Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1 Đặc điểm

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các nghiệp vụ kết chuyển kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh thu thuần, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, chi phí tài chính, các khoản chi phí khác, chi phí thuế TNDN, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận sau thuế vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phần mềm sẽ tự động tính kết quả hoạt động kinh doanh của công ty và cập

nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái tài khoản, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng: chứng từ để xác định kết quả kinh doanh là các chứng từ kết chuyển như phiếu kế toán, chứng từ ghi sổ, bảng tổng hợp chứng từ ghi sổ và các chứng từ khác tự động phát sinh trên phần mềm.
- Tài khoản sử dụng: TK 911 – xác định kết quả kinh doanh.

3 Phương pháp kết chuyển

- Kết chuyển doanh thu để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ 511: 326.185.652.608

Nợ 515: 5.527.366

Nợ 711: 37.252.453

Có 911: 326.228.432.427

- Kết chuyển chi phí để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ 911: 266.732.663.863

Có 632: 258.972.008.001

Có 635: 820.458.305

Có 641: 2.797.189.455

Có 642: 4.121.774.263

Có 811: 21.233.839

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ 911: 14.873.942.141

Có 821: 14.873.942.141

- Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

Nợ 911: 44.621.826.423

Có 421: 44.621.826.423

Phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung, sổ cái tổng hợp, sổ chi tiết tài khoản có liên quan.

- Sơ đồ hạch toán:

632	911	511
326.185.652.608		326.185.652.608
635	515	
820.458.305	5.527.366	
641	711	
2.797.189.455		37.252.453
642		

Sau khi hoàn thành bút toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh tháng 11/2011, kế toán tổng hợp thực hiện các thao tác lập và in Báo cáo tài chính năm 2011 cho Kế toán trưởng và Tổng giám đốc xem xét và ký duyệt.

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam

Mẫu số B-02/DN

Số 7, đường 12, KCN Sóng Thần 2,

(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Dĩ An, Bình Dương

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

Mã số thuế: 3700405367

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 11/2011

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1.doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	01	VI.25	326.185.652.608	
2.các khoản giảm trừ doanh thu.	03		–	
3.doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03).	10		326.185.652.608	
4.giá vốn hàng bán.	11	VI.27	258.972.008.001	
5.lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11).	20		67.213.644.607	
6.doanh thu hoạt động tài chính.	21	VI.26	5.527.366	
7.chi phí tài chính.	22	VI.28	820.458.305	
Trong đó: chi phí lãi vay.	23		–	
8.chi phí bán hàng.	24		2.797.189.455	
9.chi phí quản lý doanh nghiệp.	25		4.121.774.263	
10.lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}.	30		59.479.749.950	

Báo cáo thực tập**GVHD : Th.s Phạm Thị Huyền Quyên**

11.thu nhập khác.	31		37.252.453	
12.chi phí khác.	32		21.233.839	
13.lợi nhuận khác (33 = 31 - 32).	33		16.018.614	
14.tổng lợi nhuận trước thuế (40 = 30 + 33).	40		59.495.768.564	
15.tổng thu nhập chịu thuế.	50		59.495.768.564	
16.thuế TNDN phải nộp.	51	VI.30	14.873.942.141	
17.lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50- 51).	60		44.621.826.423	

Lập ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu*(ký, ghi rõ họ tên)***Kế toán trưởng***(ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(ký, ghi rõ họ tên)*

CHƯƠNG IV: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

1 Ưu điểm

Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam là một trong những đơn vị của tỉnh đã tham gia tốt các chủ trương, chính sách của nhà nước đề ra. Từ khi thành lập đến nay công ty phải đối phó với bao biến động của nền kinh tế thế giới nói chung và nền kinh tế trong nước nói riêng. Mặc dù vậy, nhưng công ty đã kịp thời có những chính sách và biện pháp hữu hiệu để vượt qua mọi khó khăn, từng bước đạt được những thành quả nhất định và vững chắc trên thương trường quốc tế. Hiện công ty đang có những kế hoạch cho tương lai, tích cực tìm kiếm thị trường, đối tác nhằm nâng cao lợi nhuận hơn nữa. Đó là mục tiêu mà công ty đang hướng tới.

2 Nhận xét chung về đội ngũ nhân viên

Với đội ngũ nhân viên trẻ, năng động, nhiệt tình, có kinh nghiệm và tinh thần làm việc có trách nhiệm là một lợi thế giúp công ty có được vị trí nhất định trên thị trường quốc tế. Trong điều kiện nền kinh tế cạnh tranh gay gắt như hiện nay, thì nguồn nhân lực chiếm một vị trí rất quan trọng, đòi hỏi phải có một đội ngũ nhân viên giỏi là rất cần thiết. Bên cạnh đó, công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên mới cơ hội nâng cao trình độ, kinh nghiệm của mình. Ngoài ra, công ty còn áp dụng chế độ khen thưởng và xử phạt hợp lý đối với từng nhân viên có thành tích hay vi phạm, đây cũng là một trong những chính sách giúp công ty phát triển bền vững trong tương lai.

3 Nhận xét về tổ chức kế toán của công ty

• Ưu điểm:

Công ty áp dụng hình thức kế toán tập trung, là một hình thức rất phù hợp với công ty hiện nay vì đảm bảo lãnh đạo tập trung, thống nhất với công tác kế toán, kiểm

tra xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách nhanh chóng, kịp thời giúp lãnh đạo nắm bắt được tình hình của công ty thông qua những thông tin do kế toán cung cấp. Từ đó, tiến hành kiểm tra, chỉ đạo sát sao các hoạt động của công ty, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ kế toán, nâng cao hiệu quả công tác kế toán của công ty.

Mọi máy tính của bộ phận kế toán đều kết nối với máy chủ thông qua phần mềm kế toán UNESCO, do đó mọi dữ liệu được tập trung giúp cho việc kiểm tra đầy đủ và có tính chính xác cao.

Đội ngũ kế toán trẻ, năng động, có kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm cao giúp cho công việc ghi chép sổ sách kế toán, theo dõi đều thực hiện nghiêm túc và diễn ra thường xuyên.

Bộ máy kế toán được tổ chức khá hợp lý, gọn nhẹ và tiết kiệm chi phí.

Tổ chức vận hành hệ thống tài khoản vào công tác kế toán và hệ thống báo cáo tài khoản một cách hữu hiệu và hợp lý.

Hệ thống chứng từ được tổ chức tương đối tốt, đảm bảo tính hợp lý, đầy đủ theo quy định của bộ tài chính.

Mọi công tác sổ sách, chứng từ phát sinh tại công ty đều được tập trung về phòng kế toán giúp cho công tác kế toán dễ dàng, thống nhất, kịp thời trao đổi khi có phát sinh.

● **Nhược điểm:**

Mặc dù công tác tổ chức hạch toán từ khâu thu thập xử lý và phản ánh số liệu vào sổ sách kế toán cũng như việc luân chuyển chứng từ có nhiều ưu điểm, song bên cạnh đó vẫn còn những mặt yếu như: công việc ghi chép chưa phản ánh kịp thời, dễ nhầm lẫn...

Do đặc thù công việc của công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh nên công việc nhiều, trong khi bộ phận kế toán còn hạn chế về mặt nhân sự, do vậy việc kế toán kiêm nhiệm nhiều công việc sẽ làm giảm đi hiệu quả của công tác kế toán.

4 Nhận xét về kế toán xác định kết quả kinh doanh

Về kế toán chi phí: công tác kế toán này được tiến hành tương đối theo đúng quy định, điều đó giúp công ty kiểm soát sát được các loại chi phí có hiệu quả hơn,

phát hiện kịp thời và có những biện pháp cụ thể đối với những chi phí vượt quá mức bình thường, từ đó có thể đưa ra các biện pháp làm giảm các loại chi phí hợp lý và các loại chi phí không cần thiết mà không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty đã hạch toán chi phí đầy đủ, hợp lý và tính toán chính xác giá thành sản phẩm.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhìn chung đã đáp ứng được yêu cầu quản lý đặt ra về thời gian và tính chính xác, cụ thể. Các mẫu chứng từ, sổ sách tuân thủ theo đúng quy định của bộ tài chính. Phương pháp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, ghi sổ kế toán nhìn chung bám sát với chuẩn mực kế toán hiện hành.

2. Kiến nghị

Sau một thời gian thực tập tại công ty, qua tìm hiểu về công tác kế toán và công tác quản lý của công ty, em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

Về bộ phận kế toán: Công ty nên có chính sách tuyển dụng nhân viên kế toán, đặc biệt là kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao để tránh tình trạng kế toán kiêm nhiệm nhiều công việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Các phòng ban của công ty cần phối hợp nhịp nhàng trong việc lưu chuyển chứng từ, các chứng từ gốc khi chuyển về văn phòng cần được phân loại, sắp xếp riêng theo từng nội dung để thuận tiện cho việc theo dõi, đối chiếu số liệu vào các sổ sách có liên quan. Sau khi ghi sổ chứng từ được lưu trữ và bảo quản phù hợp với quy định để cho việc kiểm toán sau này sẽ không mất nhiều thời gian và thuận lợi hơn cho công tác kế toán.

Công ty nên tập trung vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, thúc đẩy các hoạt động marketing nhằm nâng cao uy tín của công ty trên thị trường.

Tóm lại, qua công tác kế toán nói chung và kế toán xác định kết quả kinh doanh nói riêng ở công ty đã đảm bảo tính đầy đủ, kịp thời đúng yêu cầu của công tác quản lý và tính thống nhất trong phạm vi tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan. Đồng thời đảm bảo cho số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác, trung thực, rõ ràng, dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kinh doanh tại công ty.

3. Kết luận

Sau một thời gian tìm hiểu công tác kế toán tại Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam, em đã phân nào nắm bắt được thực trạng công tác tổ chức hệ thống kế toán trong một doanh nghiệp và những công việc cần phải làm đối với một phần hành kế toán. Điều đó giúp em hiểu sâu hơn về lý luận chung, so sánh được sự giống và khác nhau giữa lý luận và thực tiễn nhằm bổ sung kiến thức đã được học trên ghế nhà trường. Qua thời gian thực tập, em nhận thấy Công ty TNHH YC-TEC Việt Nam đã từng bước đi lên và tự khẳng định mình, là một doanh nghiệp có uy tín lớn cho thị trường trong và ngoài nước. Công ty đã tổ chức rất tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

PHỤ LỤC

1. Hóa đơn xuất khẩu, phiếu xuất kho
2. Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho
3. Phiếu xuất kho số CVH1146
4. Phiếu thu, hóa đơn GTGT số 0844

Xem Thêm ==> 4 [Bài Kết Luận Kế Toán Doanh Thu Chi Phí](#)

<https://baocaothuctap.net/ket-luan-ve-ke-toan-doanh-thu-chi-phi/>

Xem thêm ==> 4 [Bài Cơ Sở Lý Luận Kế Toán Doanh Thu Chi Phí](#)

<https://baocaothuctap.net/co-so-ly-luan-ve-ke-toan-doanh-thu-chi-phi/>

Xem thêm ==> 6 Đề cương về Kế Toán Doanh Thu Chi Phí và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh

<https://baocaothuctap.net/de-cuong-ke-toan-doanh-thu-xac-dinh-kinh-doanh/>

liên hệ hỗ trợ viết bài mọi người kết bạn qua zalo : 0909232620

